

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ II NĂM 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>537.065.827.708</b>	<b>455.316.749.051</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.261.352.001</b>	<b>48.366.840.508</b>
1. Tiền	111		3.261.352.001	48.366.840.508
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>89.657.808.961</b>	<b>56.003.008.961</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		299.500.000	299.500.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	89.358.308.961	55.703.508.961
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>217.937.954.698</b>	<b>259.735.901.548</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	192.670.620.174	230.119.244.638
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.490.954.789	1.189.099.449
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	1.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	18.776.379.735	28.427.557.461
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>216.064.670.544</b>	<b>89.352.466.075</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	216.064.670.544	89.352.466.075
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.144.041.504</b>	<b>1.858.531.959</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.796.641.052	1.858.531.959
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.347.400.452	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ II NĂM 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>132.708.303.987</b>	<b>120.239.420.823</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>94.062.238.072</b>	<b>83.641.638.697</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	60.061.720.000	51.511.720.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	34.000.518.072	32.129.918.697
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.959.626.087</b>	<b>24.432.854.275</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	21.948.932.562	21.813.735.745
- Nguyên giá	222		77.960.331.540	76.559.359.176
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.011.398.978)	(54.745.623.431)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	7.006.026.859	2.616.701.857
- Nguyên giá	225		7.334.325.000	2.850.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(328.298.141)	(233.298.143)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.666.666	2.416.673
- Nguyên giá	228		366.030.800	360.430.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(361.364.134)	(358.014.127)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.522.287.914</b>	<b>496.895.410</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	1.522.287.914	496.895.410
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.940.116.025</b>	<b>7.812.535.539</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	15.000.000.000	15.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	27.000.000.000	27.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(38.059.883.975)	(34.187.464.461)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.224.035.889</b>	<b>3.855.496.902</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.224.035.889	3.855.496.902
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>669.774.131.695</b>	<b>575.556.169.874</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ II NĂM 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>469.904.889.744</b>	<b>348.868.803.983</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>465.808.126.182</b>	<b>347.779.220.667</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	92.612.405.838	66.279.726.797
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.494.959.976
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	78.080.000	3.382.547.681
4. Phải trả người lao động	314	V.15	8.464.301.500	10.978.681.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	9.329.309.180	7.228.141.184
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	18.334.519.022	1.549.508.458
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	335.865.461.657	256.747.390.972
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.124.048.985	118.264.599
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.096.763.562</b>	<b>1.089.583.316</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	4.096.763.562	1.089.583.316
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ II NĂM 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>199.869.241.951</b>	<b>226.687.365.891</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>199.869.241.951</b>	<b>226.687.365.891</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	17.173.652.728	17.173.652.728
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	14.395.649.223	41.213.773.163
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		23.377.994.777	41.213.773.163
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(8.982.345.554)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>669.774.131.695</b>	<b>575.556.169.874</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2021


Nguyễn Thị Mỹ Nhung  
Người lập

Lê Thị Tường Hạng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Vinh  
TP.Tài chínhTrương Văn Quang  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

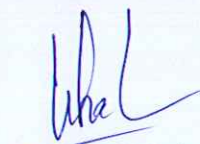
QUÝ II NĂM 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
QUÝ II NĂM 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2021	Quý II/2020	Lũy kế từ đầu năm Năm nay	đến cuối kỳ này Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	166.189.355.643	104.417.734.994	311.699.015.730	182.350.629.478
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.597.364.260	-	1.597.364.260	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		164.591.991.383	104.417.734.994	310.101.651.470	182.350.629.478
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	151.999.193.587	91.363.476.650	283.108.372.326	160.059.286.286
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.592.797.796	13.054.258.344	26.993.279.144	22.291.343.192
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.831.029.908	2.229.044.186	4.068.223.835	5.696.689.586
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.999.173.123	6.017.967.129	11.611.335.236	9.340.336.321
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.891.648.357	2.156.551.960	5.403.814.607	4.698.204.756
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.877.050.508	3.346.556.751	10.033.963.964	5.993.780.795
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8.661.198.071	8.788.872.803	18.205.840.233	17.825.386.194
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.113.593.998)	(2.870.094.153)	(8.789.636.454)	(5.171.470.532)
11. Thu nhập khác	31		101	-	3.474.101	17.714.883
12. Chi phí khác	32	VI.7	23.982.510	100.706	23.983.201	100.736
13. Lợi nhuận khác	40		(23.982.409)	(100.706)	(20.509.100)	17.614.147
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.137.576.407)	(2.870.194.859)	(8.810.145.554)	(5.153.856.385)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	(555.929.047)	-	(555.929.047)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.137.576.407)	(2.314.265.812)	(8.810.145.554)	(4.597.927.338)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2021


Nguyễn Thị Mỹ Nhung  
Người lập

Lê Thị Tường Hạnh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Vinh  
TP. Tài chínhTrương Văn Quang  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ II NĂM 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ II NĂM 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(8.810.145.554)	(5.153.856.385)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	2.055.600.552	2.159.903.914
- Các khoản dự phòng	03	V.2b	3.872.419.514	3.049.238.018
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	421.890.312	214.991.657
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(1.993.738.045)	(3.961.485.370)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	5.403.814.607	4.698.204.756
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		949.841.386	1.006.996.590
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		34.384.584.757	63.761.582.624
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(126.712.204.469)	(54.550.206.980)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		39.573.827.780	16.367.791.750
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		261.182.992	984.705.251
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.4	(5.626.492.607)	(4.590.856.756)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(3.103.153.556)	(3.050.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(20.285.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(60.272.413.717)</b>	<b>19.909.727.478</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11, V.12	(8.175.595.940)	(1.449.927.525)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.7	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(43.204.800.000)	(17.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	369.776.545	913.661.037
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(51.010.619.395)</b>	<b>(12.136.266.488)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-		
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	409.052.234.925		217.712.109.166	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(325.635.585.489)		(231.844.823.954)	
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	V.18	(365.750.004)		(365.750.004)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, V.19	(16.829.994.000)			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>66.220.905.432</b>		<b>(14.498.466.792)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(45.062.127.680)</b>		<b>(6.725.005.802)</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>48.366.840.508</b>		<b>23.977.037.895</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(43.360.827)		(136.356.073)	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	V.1	<b>3.261.352.001</b>		<b>17.115.676.020</b>	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2021


Nguyễn Thị Mỹ Nhung  
Người lập

Lê Thị Tường Hạnh  
Kế toán trưởng


Nguyễn Quang Vinh  
TP. Tài chínhTrương Văn Quang  
Tổng Giám đốc

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ II NĂM 2021**

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến thủy, hải sản; Gia công, đóng gói bao bì; Cà phê, trà; Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Lợi nhuận trong năm của Công ty sụt giảm so với năm trước chủ yếu là do năm nay Công ty trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào công ty con – Công ty TNHH Thực phẩm Dary do công ty này hoạt động kinh doanh bị lỗ.

**6. Cấu trúc Công ty**

**Công ty con**

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là bán buôn thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 75%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

**Công ty liên kết**

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Thực phẩm Dary có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tại ngày kết thúc năm, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 45%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

**8. Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 Công ty có 479 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 526 nhân viên).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ II NĂM 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ năm các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ II NĂM 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ II NĂM 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### ***Chi phí sửa chữa***

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### ***Tiền thuê đất***

Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (30 – 44 năm).

### **8. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	02 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	15

### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trọng năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 03 đến 07 năm.

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ II NĂM 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **14. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **15. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán thành phẩm***

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## **22. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	136.852.010	647.725.947
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.124.499.991	47.719.114.561
<b>Cộng</b>	<b>3.261.352.001</b>	<b>48.366.840.508</b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	89.358.308.961	89.358.308.961	55.703.508.961	55.703.508.961
<b>Cộng</b>	<b>89.358.308.961</b>	<b>89.358.308.961</b>	<b>55.703.508.961</b>	<b>55.703.508.961</b>

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 và Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam, Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng BPCE IOM – CN Tp.HCM (xem thuyết minh số V.18).

##### 2b. Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	15.000.000.000	(15.000.000.000)	-	15.000.000.000	(15.000.000.000)	-
Công ty TNHH SX TM DV Thực phẩm Dasumy (i)	15.000.000.000	(15.000.000.000)	-	15.000.000.000	(15.000.000.000)	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	27.000.000.000	(23.059.883.975)	3.940.116.025	27.000.000.000	(19.187.464.461)	7.812.535.539
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	27.000.000.000	(23.059.883.975)	3.940.116.025	27.000.000.000	(19.187.464.461)	7.812.535.539
<b>Cộng</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>(38.059.883.975)</b>	<b>3.940.116.025</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>(34.187.464.461)</b>	<b>7.812.535.539</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313046468 ngày 16 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Dary 27.000.000.000 VND, tương đương 45% vốn điều lệ. Tại ngày 30/06/2021, Công ty đã góp đủ 27.000.000.000 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313053112 ngày 16 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy 15.000.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ. Tại ngày 30/06/2021, Công ty đã góp đủ 15.000.000.000 VND.

### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Các công ty con, công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bị lỗ.

### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
Số đầu năm	34.187.464.461	33.358.227.871
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	3.872.419.514	3.049.238.018
Số cuối năm	<b>38.059.883.975</b>	<b>36.407.465.889</b>

### Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết như sau:

	Quý II/2021	Quý II/2020
<b>Công ty TNHH Thực phẩm Dary</b>		
Bán nguyên vật liệu	8.765.127.113	1.049.147.637
Cung cấp dịch vụ gia công		256.216.000
Thuê dịch vụ gia công	11.648.702.222	4.964.013.115
Thuê dịch vụ lưu kho, bốc xếp	2.111.220.375	1.254.922.966
Mua nguyên vật liệu	19.996.261.941	30.539.326.895
Lãi cho vay	620.001.000	1.630.499.000
<b>Công ty TNHH SX TM DV Thực phẩm Dasumy</b>		
Mua nguyên vật liệu	3.821.834	7.870.813

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>14.034.616.661</b>	<b>5.959.215.789</b>
Công ty TNHH SX TM DV Thực phẩm Dasumy	5.649.053.218	5.959.215.789
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	8.385.563.443	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>178.636.003.513</b>	<b>224.160.028.849</b>
Trangs Group USA Incorporated	51.096.503.926	37.911.467.652
Trang Group Europe B.V	19.811.519.878	23.306.352.226
Trangs UK Limited	94.939.942.341	135.106.945.580
Các khách hàng khác	12.788.037.368	27.835.263.391



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	192.670.620.174	230.119.244.638

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>	<b>5.490.954.789</b>	<b>1.189.099.449</b>
Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	1.033.725.000	88.369.380
Công Ty TNHH Khánh Sùng	1.685.134.800	-
Operadora Y Procesadora De Productos Marinos	894.942.344	374.690.100
Các nhà cung cấp khác	1.877.152.645	726.039.969
<b>Cộng</b>	<b>5.490.954.789</b>	<b>1.189.099.449</b>

**5. Phải thu về cho vay dài hạn**

Khoản cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary là bên liên quan vay.

**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>300.000.000</b>	-	-	-
Cty TNHH Thực Phẩm Dary - Tiền mượn	300.000.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>18.476.379.735</b>	-	<b>28.427.557.461</b>	-
Tạm ứng	1.022.196.000	-	615.296.000	-
Thuế GTGT chờ hoàn	17.345.234.573	-	27.590.732.107	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	108.949.162	-	221.529.354	-
<b>Cộng</b>	<b>18.776.379.735</b>	-	<b>28.427.557.461</b>	-

**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>33.287.257.114</b>	-	<b>31.663.295.614</b>	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary - Lãi cho vay	6.817.216.390	-	5.193.254.890	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary - Ký quỹ	26.470.040.724	-	26.470.040.724	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>713.260.958</b>	-	<b>466.623.083</b>	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	713.260.958	-	466.623.083	-
<b>Cộng</b>	<b>34.000.518.072</b>	-	<b>32.129.918.697</b>	-

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	99.610.916.411	-	45.700.958.324	-
Công cụ, dụng cụ	2.084.760.800	-	1.965.920.311	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	40.977.876.585	-	9.183.723.015	-
Thành phẩm	56.935.643.131	-	21.574.986.127	-
Hàng hóa	28.563.636	-	-	-
Hàng gửi đi bán	16.426.909.981	-	10.926.878.298	-
<b>Cộng</b>	<b>216.064.670.544</b>	<b>-</b>	<b>89.352.466.075</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	711.512.928	397.681.202
Chi phí sửa chữa	58.466.567	119.726.440
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.026.661.557	1.341.124.317
<b>Cộng</b>	<b>1.796.641.052</b>	<b>1.858.531.959</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	261.223.536	319.492.998
Tiền thuê đất	3.425.865.298	3.487.387.906
Các chi phí trả trước dài hạn khác	536.947.055	48.615.998
<b>Cộng</b>	<b>4.224.035.889</b>	<b>3.855.496.902</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	14.625.381.839	55.925.258.162	4.553.079.438	1.455.639.737	76.559.359.176
Mua trong kỳ	235.636.364	1.683.811.000	-	173.000.000	2.092.447.364
Giảm khác	-	(691.475.000)	-	-	(691.475.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.861.018.203</b>	<b>56.917.594.162</b>	<b>4.553.079.438</b>	<b>1.628.639.737</b>	<b>77.960.331.540</b>
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.050.122.533	19.495.946.665	2.164.337.165	1.336.957.919	25.047.364.282
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	8.645.050.459	41.648.306.161	3.078.515.935	1.373.750.877	54.745.623.431
Khấu hao trong kỳ	285.426.689	1.508.519.064	145.709.076	17.595.718	1.957.250.547
Giảm khác	-	(691.475.000)	-	-	(691.475.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.930.477.148</b>	<b>42.465.350.225</b>	<b>3.224.225.011</b>	<b>1.391.346.595</b>	<b>56.011.398.978</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.980.331.380	14.276.952.001	1.474.563.503	81.888.860	21.813.735.745
Số cuối kỳ	5.930.541.055	14.452.243.937	1.328.854.427	237.293.142	21.948.932.562

**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.850.000.000	233.298.143	2.616.701.857
Thuê tài chính trong kỳ	4.484.325.000	-	-
Khấu hao trong kỳ		94.999.998	-
Số cuối kỳ	7.334.325.000	328.298.141	7.006.026.859

**11. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	360.430.800	358.014.127	2.416.673
Nâng cấp	5.600.000		
Khấu hao trong kỳ		3.350.007	
Số cuối kỳ	366.030.800	361.364.134	4.666.666
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	286.373.600	-	-

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là tiền thuê đất mở rộng nhà xưởng, chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ	Kết chuyển vào 2421	Số dư cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	164.800.000	25.750.000	-	-	190.550.000
Xây dựng cơ bản dở dang	-	235.636.364	(235.636.364)	-	-
Sửa chữa, chế tạo máy móc thiết bị	332.095.410	2.215.195.876	(647.722.300)	(567.831.072)	1.331.737.914
Cộng	496.895.410	2.476.582.240	(883.358.664)	(567.831.072)	1.522.287.914

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	870.251.573	8.768.584.682
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	870.251.573	8.768.584.682
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	91.742.154.265	57.511.142.115
Công ty Cổ phần In Bao bì Khatoco	7.411.128.004	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Tuấn Linh	6.569.700.000	-
Công Ty TNHH MTV Thủy Sản Diệp Nga	6.737.167.630	-
Công Ty TNHH Nông Sản Thực Phẩm Thái Loan	6.404.023.800	-
Các nhà cung cấp khác	64.620.134.831	57.511.142.115
<b>Cộng</b>	<b>92.612.405.838</b>	<b>66.279.726.797</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.013.558	(5.013.558)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	8.076.799	(8.076.799)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.103.153.556	-	(3.103.153.556)	-
Thuế thu nhập cá nhân	279.394.125	932.398.125	(1.133.712.250)	78.080.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	10.800.000	(10.800.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>3.382.547.681</b>	<b>956.288.482</b>	<b>(4.260.756.163)</b>	<b>78.080.000</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% đối với thu nhập từ chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**15. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả người lao động.

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	9.329.309.180	7.228.141.184
Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả	8.652.322.583	7.224.209.012
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	676.986.597	3.932.172
<b>Cộng</b>	<b>9.329.309.180</b>	<b>7.228.141.184</b>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	222.678.000
Các thành viên Hội đồng quản trị - Chi phí lãi vay phải trả	-	222.678.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	18.334.519.022	1.326.830.458
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	1.326.501.022	1.141.348.958
Cổ tức phải trả	17.002.543.000	172.549.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.475.000	12.932.500
<b>Cộng</b>	<b>18.334.519.022</b>	<b>1.549.508.458</b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****18a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	10.618.000.000
Vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt (i)	-	10.618.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	335.865.461.657	246.129.390.972
Vay ngắn hạn ngân hàng	334.723.961.649	245.237.890.964
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 (ii)	69.070.201.200	68.910.015.722
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iii)	69.544.998.600	54.826.143.128
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú (iv)	82.318.392.849	89.388.461.454
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.HCM (v)	8.655.570.000	9.052.647.660
Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam (vi)	46.086.810.000	23.060.623.000
Vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (vii)	46.109.679.000	-
Vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (viii)	12.938.310.000	-
Vay ngắn hạn cá nhân	250.000.000	-
Vay Ông Nguyễn Anh Duy (ix)	250.000.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ II NĂM 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	891.500.008	891.500.008
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	160.000.000	160.000.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	731.500.008	731.500.008
<b>Cộng</b>	<b>335.865.461.657</b>	<b>256.747.390.972</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 70.000.000.000 VND với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền tiết kiệm (xem thuyết minh số V.2a), tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7) và một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited (xem thuyết minh số V.3).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh và bảo lãnh các loại, hạn mức vay 77.600.000.000 VND và 500.000,00 USD với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7) và toàn bộ quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng WestBridge, Woolworths International và Trangs Food Pty Ltd (xem thuyết minh số V.3).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 5.000.000,00 USD với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a) và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 9.500.000.000 VND với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 2.000.000 USD với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a).
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 2.000.000 USD với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. (xem thuyết minh số V.2a).
- (viii) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Tp.HCM để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 1.500.000 USD với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. (xem thuyết minh số V.2a).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	245.237.890.964	404.423.656.174	-	(314.937.585.489)	334.723.961.649
Vay ngắn hạn các					



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
cá nhân	10.618.000.000	250.000.000	-	(10.618.000.000)	250.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	891.500.008	-	445.750.004	(445.750.004)	891.500.008
<b>Cộng</b>	<b>256.747.390.972</b>	<b>404.673.656.174</b>	<b>445.750.004</b>	<b>(326.001.335.493)</b>	<b>335.865.461.657</b>

**18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>	400.000.000	480.000.000
Nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH Quốc tế Chailease <sup>(ii)</sup>	243.833.312	609.583.316
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp. Hồ Chí Minh <sup>(iii)</sup>	3.452.930.250	-
<b>Cộng</b>	<b>4.096.763.562</b>	<b>1.089.583.316</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mua xe phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn mức vay 800.000.000 VND với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô con, nhãn hiệu Kia ( Xem thuyết minh V.9).

(ii) Công ty thuê tài chính Công ty TNHH MTV Quốc tế Chailease theo các Hợp đồng thuê tài chính như sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số B190730202 ngày 31 tháng 7 năm 2019, lãi suất 9,1%/năm, thời hạn thuê 3 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số B190727302 ngày 31 tháng 7 năm 2019, lãi suất 9,1%/năm, thời hạn thuê 3 năm.

(iii) Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp. Hồ Chí Minh theo các Hợp đồng thuê tài chính như sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.01/CTTC ngày 09 tháng 06 năm 2021, thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.02/CTTC ngày 09 tháng 06 năm 2021, thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.03/CTTC ngày 09 tháng 06 năm 2021, thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.07/CTTC ngày 09 tháng 06 năm 2021, thời hạn thuê 5 năm.

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	891.500.008	891.500.008
Trên 01 năm đến 05 năm	4.096.763.562	1.089.583.316
<b>Cộng</b>	<b>4.988.263.570</b>	<b>1.981.083.324</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**18c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước (01/01/2020)	168.299.940.000	17.173.652.728	25.875.947.423	211.349.540.151
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	(4.597.927.338)	(4.597.927.338)
Trích lập các quỹ	-	-	(326.958.566)	(326.958.566)
Trích thù lao HĐQT	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ (01/06/2020)</b>	<b>168.299.940.000</b>	<b>17.173.652.728</b>	<b>20.783.061.519</b>	<b>206.256.654.247</b>
Số đầu năm trước (01/01/2021)	168.299.940.000	17.173.652.728	41.213.773.163	226.687.365.891
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	(8.810.145.554)	(8.810.145.554)
Trích lập các quỹ	-	-	(1.005.784.386)	(1.005.784.386)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(16.829.994.000)	(16.829.994.000)
Trích thù lao HĐQT	-	-	(172.200.000)	(172.200.000)
<b>Số dư cuối kỳ (30/06/2021)</b>	<b>168.299.940.000</b>	<b>17.173.652.728</b>	<b>14.395.649.223</b>	<b>199.869.241.951</b>

**19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông David Ho	38.600.000.000	38.600.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	28.874.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	37.061.000.000	28.086.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	53.764.940.000	62.739.940.000
<b>Cộng</b>	<b>168.299.940.000</b>	<b>168.299.940.000</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ông David Ho	38.600.000.000	22,94	38.600.000.000	-
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	17,16	28.874.000.000	-
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	37.061.000.000	22,02	28.086.000.000	-
Bà Susan Ho	10.000.000.000	5,94	10.000.000.000	-
Các cổ đông khác	53.764.940.000	31,95	62.739.940.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	VND	Tỷ lệ (%)	(VND)	(VND)
Cộng	168.299.940.000	100,00	168.299.940.000	-

**19c. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.829.994	16.829.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**19d. Phân phối lợi nhuận**

Công ty mẹ cũng đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020 là 1.005.784.386 VND và cổ tức 2020 là 16.829.994.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29/06/2021; trích thù lao của Hội đồng quản trị năm 2021 từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 với số tiền là 172.200.000 VN.

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	122.967,05	1.979.817,81
Bảng Anh (GBP)	108,34	108,34
Euro (EUR)	4,89	4,89

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	QUÝ II/2021	QUÝ II/2020
Doanh thu bán thành phẩm	156.525.213.530	103.180.361.154
Doanh thu khác	9.664.142.113	1.237.373.840
Cộng	166.189.355.643	104.417.734.994

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết.

### 2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã bán.

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	QUÝ II/2021	QUÝ II/2020
Lãi tiền gửi ngân hàng	67.172.915	78.840.929
Lãi tiền cho vay	620.001.000	1.630.499.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	721.965.681	476.558.337
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	421.890.312	43.145.920
<b>Cộng</b>	<b>1.831.029.908</b>	<b>2.229.044.186</b>

### 4. Chi phí tài chính

	QUÝ II/2021	QUÝ II/2020
Chi phí lãi vay	2.870.154.957	2.116.312.348
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.235.105.252	812.177.151
Dự phòng tổn thất đầu tư	3.872.419.514	3.049.238.018
Chi phí thuê tài chính	21.493.400	40.239.612
<b>Cộng</b>	<b>7.999.173.123</b>	<b>6.017.967.129</b>

### 5. Chi phí bán hàng

	QUÝ II/2021	QUÝ II/2020
Chi phí cho nhân viên	363.442.638	354.658.267
Chi phí vật liệu, bao bì	359.785.034	206.701.735
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	11.400.000	2.654.994
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.284.727	2.487.108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.745.354.638	1.800.889.756
Các chi phí khác	1.389.783.471	979.164.891
<b>Cộng</b>	<b>4.877.050.508</b>	<b>3.346.556.751</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	QUÝ II/2021	QUÝ II/2020
Chi phí cho nhân viên	6.808.188.837	6.213.737.402
Chi phí đồ dùng văn phòng	199.199.260	371.051.850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.046.363	106.530.020
Thuế, phí và lệ phí	228.959.534	150.485.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài	922.619.139	476.152.462
Các chi phí khác	417.184.937	1.470.915.578
<b>Cộng</b>	<b>8.661.198.071</b>	<b>8.788.872.803</b>

### 7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	QUÝ II/2021	QUÝ II/2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	153.780.206.441	74.576.612.881
Chi phí nhân công	32.663.603.078	20.912.908.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.032.364.693	1.030.714.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.352.121.297	5.378.967.977
Chi phí khác	3.302.496.904	4.993.348.811
<b>Cộng</b>	<b>200.130.792.413</b>	<b>106.892.553.049</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt và cá nhân có liên quan:

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và cá nhân có liên quan:

	QUÝ II/2021	QUÝ II/2020
Chi phí lãi vay	126.730.967	382.999.000

Việc mua dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5, V.6b, V.17 và V.18.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thù lao với tổng chi phí trong quý là 1.336.400.000 VND (năm trước là 1.104.900.000 VND).

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy	Công ty con

*Giao dịch với các bên liên quan khác*



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu và kinh doanh mặt hàng tôm, đồng thời doanh thu chủ yếu của Công ty là từ xuất khẩu tôm chế biến. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2021

Nguyễn Thị Mỹ Nhung  
Người lập

Lê Thị Tường Hạnh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Vinh  
Tp. Tài chính



Trương Văn Quang  
Tổng Giám đốc